

## **Định kiến giới trong sách giáo khoa và sách giáo viên môn ngữ văn dành cho học sinh phổ thông trung học**

**Nguyễn Thị Tuyết Minh**  
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

**Tóm tắt:** Dựa trên kết quả phân tích sách văn học và sách giáo viên môn Ngữ văn dành cho học sinh cấp phổ thông trung học, bài viết ghi nhận sự thúc đẩy nhằm thu hẹp khoảng cách giới trong sách giáo khoa Ngữ văn thể hiện ở sự nhạy cảm giới, sự thách thức các vai trò giới truyền thống, và chống lại tư tưởng trọng nam khinh nữ trong một số ít tác phẩm văn học. Tuy nhiên, phần lớn Sách giáo khoa và Sách giáo viên chưa có lòng ghép giới và nhạy cảm giới khi gợi ý, hướng dẫn người dạy và người học. Định kiến giới, khuôn mẫu giới còn thể hiện rõ nhất ở hình ảnh, tính cách của nam và nữ. Sách giáo viên vẫn nặng về tái hiện các vai trò giới, định kiến giới hơn là giúp cho học sinh có cái nhìn đa chiều và nhạy cảm giới, cùng với đó là sự thiên lệch về lựa chọn tác phẩm văn học của các tác giả là nam giới.

**Từ khóa:** Giới; Bất bình đẳng giới; Định kiến Giới; Giáo dục, truyền thông về giới; Học sinh trung học phổ thông.

Ngày nhận bài: 18/5/2017; ngày chỉnh sửa: 23/1/2018; ngày duyệt đăng: 15/5/2018.

## Đặt vấn đề

Bất bình đẳng giới là rào cản trong việc thực hiện các chính sách phát triển và do đó làm giảm sút khả năng quản lý nhà nước của một quốc gia. Cái giá phải trả nặng nề nhất cho sự bất bình đẳng giới là những tổn hại về cuộc sống con người và chất lượng sống (Ngân hàng Thế giới, 2001:13).

Thế mạnh của thể chế giáo dục là thông tin chuyển tải tới các cá nhân một cách chính thức, chính thống, nội dung và phương pháp giảng dạy mang tính tiêu chuẩn hóa. Thiết chế này sẽ góp phần tích cực thay đổi định kiến giới nếu chuyển tải các thông điệp nhạy cảm giới, nhưng sẽ là không tích cực nếu các định kiến giới vẫn được tạo ra và duy trì bởi thiết chế này. Ở Việt Nam, thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới được xem là biện pháp quan trọng nhằm nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới.

Vai trò quan trọng của thiết chế giáo dục trong nỗ lực rút ngắn khoảng cách giới còn thể hiện trong các văn bản pháp luật. Theo Luật Bình đẳng giới 2006, việc giáo dục hướng nghiệp, biên soạn và phổ biến sách giáo khoa có định kiến giới được xem là vi phạm pháp luật. Nghị định 48/2009/NĐ-CP Quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới có yêu cầu cụ thể đối với thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới. Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 xác định những giải pháp nhằm thực hiện được các mục tiêu bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định về trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trong phòng chống bạo lực gia đình.

Dựa trên số liệu của nghiên cứu “Bình đẳng giới trong sách giáo khoa và sách giáo viên môn ngữ văn dành cho học sinh phổ thông trung học” thực hiện năm 2013, dưới sự tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật của Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học về Giới, Gia đình, Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA), bài viết hướng tới việc làm rõ xem liệu những nội dung, từ ngữ, tranh ảnh minh họa, những diễn ngôn được sử dụng trong Sách văn học và Sách giáo viên cho học sinh cấp trung học phổ thông có mang định kiến giới hay có được lồng ghép giới và có nhạy cảm giới hay không? Đây là nghiên cứu trường hợp với Sách văn học và Sách giáo viên môn Ngữ văn

dành cho học sinh cấp phổ thông trung học. Phương pháp phân tích nội dung, kỹ thuật phân tích tài liệu được áp dụng với 12 quyển sách giáo khoa và sách giáo viên môn ngữ văn lớp 10, 11, 12.

### 1. Ghi nhận sự thúc đẩy thu hẹp khoảng cách giới

Kết quả phân tích cho thấy ở một số tác phẩm đã có lòng ghép giới khi đề cập đến nam nữ, người chồng và vợ trong Sách giáo viên, hướng tới xóa bỏ định kiến giới, thể hiện nỗ lực thu hẹp khoảng cách giới một cách bền vững. Khi phân tích bài thơ Thương vợ, sách giáo viên nhấn mạnh theo hướng không đồng tình với quan điểm “trọng nam khinh nữ” và có sự thách thức đối với vai trò giới truyền thống về vai trò trụ cột của nam giới trong gia đình:

“...xã hội xưa “trọng nam khinh nữ”, coi người phụ nữ là thân phận phụ thuộc: xuất giá tòng phu (lấy chồng theo chồng), “phu xướng phụ tùy” (chồng nói vợ theo). Một nhà nho như Tú Xương dám sòng phẳng với bản thân, với cuộc đời, tự thừa nhận mình là “quan ăn lương vợ”, không những đã biết nhận ra thiếu sót, mà còn dám tự nhận khiếm khuyết. Một con người như thế là một nhân cách đẹp. Lời chửi trong hai câu kết là lời Tú Xương tự rửa mặt mình nhưng lại mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Ông chửi thói đời bạc bẽo, vì thói đời là một nguyên nhân sâu xa khiến bà Tú phải khổ (?). Từ hoàn cảnh riêng, tác giả lên án thói đời bạc bẽo chung” (Ngữ văn, Lớp 11, Sách giáo viên, Tập 1, 2013: 39-40).

Tác phẩm Một người Hà Nội của tác giả Nguyễn Khải thể hiện nhiều sự thách thức với vai trò giới hiện tại, thách thức hình ảnh nam, nữ truyền thống và đề cập đến tiếng nói của nữ giới trong gia đình và xã hội. Khi khắc họa nhân vật nữ - cô Hiền - tác giả đã mô tả cô có đầu óc thực tế, tư duy logic, cách nói ngắn gọn, rõ ràng và tiếng nói chủ động, dứt khoát và quyết đoán của người phụ nữ - người vợ trong việc quyết định số con, việc phát triển kinh tế gia đình thể hiện trong đoạn đối thoại giữa cô Hiền và chồng của mình (Ngữ văn, Lớp 12, Sách giáo viên, Tập 2, 2012:83). Những định kiến giới thực sự bị phá vỡ vì sự thách thức nam nữ truyền thống khi cô Hiền thể hiện sự tham gia tích cực vào đời sống chính trị, thể hiện quan điểm, bày tỏ quan điểm của mình về vấn đề của đất nước.

“... Trước niềm vui kháng chiến thắng lợi, miền Bắc bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới, cô nhận xét: “Vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều”; theo cô “Chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá...” (Ngữ văn, Lớp 12, Sách giáo viên, Tập 2, 2012:81).

Tác phẩm đã nói đến tiếng nói của nữ giới trong gia đình và xã hội thông qua việc suy nghĩ và lối tư duy của nhân vật Hiền được khái quát lên tầm triết lý, chiêm nghiệm về quy luật của cuộc sống, xã hội vốn là lĩnh vực được gán nhiều cho nam giới.

“Chuyện cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh gợi nhiều suy nghĩ về lẽ đời, về quy luật bất diệt của sự sống, nói như cô Hiền: “Thiên địa tuần hoàn, cái vào ra của tạo vật không thể lường trước được” (Ngữ văn, Lớp 12, Sách giáo viên, Tập 2, 2012:81).

Như vậy, có những tác phẩm văn học mà bản thân nó đã thể hiện sự thách thức với các vai trò giới hiện tại, phá vỡ các định kiến giới nhưng câu chuyện còn lại nằm ở cách mà Sách giáo viên hướng dẫn cho giáo viên truyền tải tinh thần này như thế nào để người học có thể cảm thụ được những thay đổi đó. Bên cạnh đó, cũng có bài mà Sách giáo viên đã thể hiện được quan điểm thúc đẩy thu hẹp khoảng cách giới, lên án quan niệm cũ và đưa tới cái nhìn đa dạng về vai trò của nam và nữ. Tuy nhiên, xem xét trong tổng thể 12 quyển Sách giáo khoa và Sách giáo viên trong mẫu khảo sát thì các tác phẩm và cách hướng dẫn như vậy còn ít, chưa phổ biến.

## 2. Định kiến giới trong khắc họa hình ảnh, tính cách nam nữ

Hình ảnh nam và nữ được xây dựng có sự khác biệt, nữ giới thường được tái hiện, phác họa để nổi bật lên như là người ngoan ngoãn, chăm chỉ, vâng lời, cam chịu... hoặc xuất hiện như là nạn nhân, bị động hoặc người bất hạnh, sự lệ thuộc hoặc phụ thuộc vào người khác... ngược lại, nam thường được tái hiện, phác họa hoặc xuất hiện như là người mạnh mẽ, chủ động, bản lĩnh, hung bạo, tích cực. Đó là nhân vật cô gái trong Tấm (Tấm Cám); Chinh phụ (Chinh phụ ngâm); Kiều (truyện Kiều); Thị Nở (Chí Phèo); Người vợ (Thương vợ); Người vợ (Chiếc thuyền ngoài xa); Người phụ nữ (Vợ Nhặt); Mị (Vợ chồng A Phủ)...

Ngược lại, hình ảnh nam giới được ghi nhận với hình ảnh là người có chí lớn, quyền lực, mạnh mẽ, dũng cảm, chủ động, bản lĩnh, bảo vệ người khác... hoặc là hung bạo, bạo lực... Hình tượng này có thể tìm thấy qua ca dao với hình ảnh chàng trai luôn chủ động bày tỏ tình yêu, quyết tâm chủ động bảo vệ tình yêu của mình như nhân vật cha và chồng của Mị Châu (Mị Châu Trọng Thủy); Vua (Tấm Cám); Từ Hải (Kiều); Chí Phèo; Bá Kiến (Chí Phèo); A Sử, A Phủ, Pá Tra (Vợ chồng A Phủ)... Hoặc những

nhân vật trong tác phẩm hoặc tác giả nam thể hiện khí phách anh hùng, đề cập tới những vấn đề lớn lao của thời đại như Bạch Đằng Giang (Trương Hán Siêu); Đại cáo bình Ngô (Nguyễn Trãi); Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn (Ngô Sĩ Liên); Đăm Săn trong Chiến thắng Mtao Mxây (Sử thi Tây Nguyên); Tuyên ngôn Độc lập (Hồ Chí Minh); Tây tiến (Quang Dũng); Việt Bắc (Tố Hữu); Đất nước (Nguyễn Đình Thi); Người lái đò sông Đà (Nguyễn Tuân)...

Cách tái hiện các hình ảnh, hướng dẫn cảm thụ cũng theo mô tuýt lặp đi lặp lại sẽ tạo ra, duy trì và khoét sâu hơn các định kiến giới, khuôn mẫu giới về hình ảnh nữ giới. Điều này thể hiện ở những gợi ý trong sách giáo viên về phân tích câu ca dao:

“Bắt đầu bằng “Thân em như...” đã xác định rõ đây là lời than thân của người phụ nữ, cách mở đầu như vậy khiến cho lời than thêm ngậm ngùi, xót xa... gây sự chú ý với người nghe. “Thân em như...” được xem là “lời chung” của người phụ nữ trong xã hội cũ. Điểm ghi nhận trong cách hướng dẫn người học là nhận thức được về sự phụ thuộc của người phụ nữ là loại người khổ nhất trong xã hội cũ” (Ngữ văn, Lớp 10, Sách giáo viên, Tập 1, 2012:109).

Các phân tích cũng nêu được về tình trạng, hoàn cảnh của phụ nữ trong xã hội cũ, phụ nữ “*khổ vì thân phận của họ bị phụ thuộc, giá trị của họ không được ai biết đến*” (Ngữ văn, Lớp 10, Sách giáo viên, Tập 1, 2012:109). Trong tất cả các hướng dẫn cũng như gợi ý của sách giáo khoa không đề cập đến những khía cạnh về giới để giúp người học/học sinh có thể hình dung ra một trong những nguyên nhân sâu xa của sự phụ thuộc, bị động của nữ giới bắt nguồn từ tư tưởng trọng nam khinh nữ.

Cùng là ca dao nói về tình duyên hoặc nỗi nhớ của người yêu dành cho người yêu thì nam giới chủ động hỏi cô gái để tự bộc lộ lòng mình (Mình ơi có nhớ ta chăng) nhưng trong bài ca dao thứ 4 cũng là bài ca dao mô tả nỗi nhớ người yêu cũng da diết không kém nhưng được bộc lộ gián tiếp thông qua hình ảnh tượng trưng khăn, đèn, mắt... cô hỏi khăn, đèn, mắt chính là để tự hỏi lòng mình, chứ không phải bộc lộ tình cảm trực tiếp giống trong bài ca dao thứ 3 (nỗi nhớ của chàng trai)... và nỗi nhớ được mô tả là “mang đậm màu sắc nữ tính” và cái tạo nên “nữ tính” được nhấn mạnh ở đây là “*người con gái biết ghìm nén cảm xúc của mình, không bộc lộ một cách dễ dãi*” (Ngữ văn, Lớp 10, Sách giáo viên, Tập 1, 2012: 111-112). Xã hội truyền thống với sự chi phối của tư tưởng trọng nam khinh

nữ với các định kiến giới, khuôn mẫu giới cứng nhắc khiến cho nữ giới không được coi trọng bằng nam giới, các diễn ngôn bị kịch hóa hoàn cảnh của nữ giới thường được lặp lại. Nếu các tác giả viết sách hướng dẫn, giáo viên giảng dạy có nhạy cảm giới thì nội dung chuyển tải tới người học/học sinh không chỉ là sự lặp lại, tái hiện lại những định kiến giới, khuôn mẫu giới đó mà còn hướng cho người học nhận ra vấn đề cốt lõi tạo nên sự khác biệt mang ý nghĩa bất bình đẳng giới.

Nội dung trong Sách giáo viên nhấn mạnh ý nghĩa của việc cưới xin đối với người con gái mà không hề đề cập về phía người con trai *“Cưới là việc hệ trọng nhất trong đời người con gái, vậy mà chỉ thách có... một nhà khoai lang!”* (Ngữ văn, Lớp 10, Sách giáo viên Tập 1, 2012: 123). Điều này vô hình chung đã duy trì định kiến giới và càng buộc chặt phụ nữ vào hôn nhân trong khi ở nam giới lại không được trọng vọng như vậy. Trong bài ca dao 2, 3, 4 (Ngữ văn, Lớp 10, Tập 1, 2011:91) thực chất là những câu ca dao mang đậm định kiến giới. Với quan niệm đàn ông phải là trụ cột, hướng ngoại, mạnh mẽ, dũng cảm... còn phụ nữ thì phải công, dung, ngôn, hạnh... cho nên ca dao hài hước mới có những cách nhìn nhận, chê bai rất khác biệt giữa nam và nữ. Sách giáo viên góp phần làm định kiến giới được duy trì một cách rất rõ nét khi gợi ý và hướng dẫn rằng “bài 2 và bài 3 chế diễu loại đàn ông yếu đuối, lười nhác... hai loại đàn ông đáng phê phán: (1) “Loại đàn ông yếu đuối, không đáng sức trai, không đáng nên trai” (Ngữ văn, Lớp 10, Sách giáo viên Tập 1, 2012:123)...; và (2) loại đàn ông lười nhác, không có chí lớn... được mô tả là loại đàn ông ẻo lả, lười nhác, ăn bám vợ, suốt ngày ru rú ở xó bếp chỉ để sờ đuôi con mèo... đó là loại đàn ông vô tích sự, không còn phong độ của bậc nam nhi...”

Theo M.Foucault thì các diễn ngôn bị chi phối bởi bàn tay vô hình của quyền lực từ các thiết chế xã hội, theo đó diễn ngôn về nam tính và nữ tính được sản sinh và lưu hành với quan niệm, quy định về hành xử được hình thành trong bối cảnh thiết chế nhà nước nam quyền. Diễn ngôn được tạo nên chứa đựng những quy định, thước đo cho đặc điểm nữ tính và nam tính khác nhau như phân tích ở trên. Các khuôn mẫu về nam tính và nữ tính được xem là chuẩn, các cá nhân sẽ được xã hội hóa, học hỏi, thể hiện thái độ, định hướng hành vi cho bản thân theo khuôn mẫu đó, đồng thời sẽ truyền thụ lại những khuôn mẫu này cho các cá nhân khác và thế hệ sau. Theo đó, các nhận thức, thái độ và hành vi khác với khuôn mẫu chuẩn được xem là lệch chuẩn và cần phải điều chỉnh, cắt gọt để hướng đến cái

được chia sẻ là chuẩn mực. “Làm trai cho đáng nên trai” theo quan niệm phải là người mạnh mẽ, dũng cảm, trụ cột, hướng ngoại, sức vóc... là chuẩn thì những người không được như vậy sẽ bị cười chê (giống như bài ca dao). Sẽ là một ví dụ tốt nếu nhóm biên soạn chỉ ra rằng quan niệm về nam tính và nữ tính như vậy vừa không thỏa đáng, vừa gây áp lực và sự không công bằng cho cả nam và nữ.

Gợi ý phân tích trong sách giáo viên tỏ ra không công bằng và chưa có cái nhìn đa chiều với nhiều tính cách khác nhau của các cá nhân, Tại sao những “Loại đàn ông yếu đuối, không đáng sức trai, không đáng nên trai” lại bị đả phá như vậy? Điều này gây áp lực với chính nam giới, đặc biệt là nam giới được coi là yếu đuối. Hoặc, nếu các hướng dẫn trong sách giáo viên làm rõ được rằng với những người lười lao động, chỉ mong phụ thuộc vào người khác khi mình có đủ năng lực độc lập, chỉ biết hưởng thụ trên sự lao động vất vả của người khác... thì dù là nam hay nữ đều khó chấp nhận. Các cá nhân có những hạn chế về năng lực, sức khỏe hoặc lựa chọn cách sống, cách thể hiện bản thân mang lại sự thoải mái cho bản thân, tự chịu trách nhiệm mà không ảnh hưởng hoặc làm hại đến người khác, cộng đồng (pháp luật) thì các cá nhân khác, cộng đồng cần tôn trọng sự tự quyết định đó.

Tác phẩm Lời tiễn dặn đã mô tả sự bị động của cô gái, bị gả, bị bán, bị bạo lực... Sách hướng dẫn phân tích, giảng dạy cho giáo viên chỉ đơn thuần là tái hiện và mô tả sâu sắc hơn bi kịch mà cô gái trải nghiệm, không có nhạy cảm giới hoặc lồng ghép giới: *“Văn bản lược đi một đoạn cô gái bị nhà chồng đánh đập đến ngã lăn ra bên miệng cối gạo, bên “máng lợn vầy”, để bắt đầu ngay bằng hai việc làm của chàng trai: chạy lại đỡ cô gái dậy, ân cần phủi áo, chải lại đầu cho cô gái, sau đó đi chặt tre về làm ống thuốc cho cô gái “uống khởi đau”* (Ngữ văn, Lớp 10, Sách giáo viên, Tập 1, 2012:128). Lựa chọn tác phẩm điển hình để có thể lồng ghép vấn đề giới hoặc nếu nhạy cảm giới trong sách hướng dẫn và giảng dạy sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách giới. Các phân tích trong Sách giáo viên tái hiện những hình ảnh điển hình mà thiếu những phân tích nhạy cảm giới như vậy thì vô tình sẽ khoét sâu thêm định kiến giới: hình ảnh điển hình được xây dựng là hình ảnh đáng thương, bị động, nạn nhân, người cần có sự che chở - cứu giúp, nâng đỡ là hình ảnh cô gái; thủ phạm của bạo lực là vô hình vì đó là “nhà chồng” hoặc trọng tâm chú ý là cô gái “bị đánh đập, hành hạ” chứ không phải thủ phạm được chú ý, v.v.

Định kiến giới không chỉ nằm ở bản thân việc lựa chọn các tác giả, chuyển tải các quan điểm, ý chí, nguyện vọng, tiếng nói của nam và nữ không cân xứng. Định kiến giới nằm trong các tác phẩm, tuy nhiên, điều này không quan trọng bằng việc cảm thụ các tác phẩm theo hướng nào để người học vừa thấy được bối cảnh xã hội của các tác phẩm mà con người (cả nam và nữ) đã trải nghiệm mà lại vừa thổi được hơi thở của cuộc sống hiện tại để chuyển tải những tư tưởng cấp tiến để người học nhận ra rằng nếu có sự thay đổi về tư tưởng (loại bỏ tư tưởng trọng nam khinh nữ, định kiến giới, khuôn mẫu giới) thì con người (cả nam - nữ) được giải phóng, được tự do phát huy thế mạnh của mình để có được cuộc sống hạnh phúc cho bản thân, cống hiến cho sự phát triển chung của xã hội.

### 3. Khuôn mẫu giới về bạo lực gia đình

Kết quả phân tích cho thấy, trong một số tác phẩm có nói đến câu chuyện về bạo lực gia đình thì sách giáo viên mới chỉ tái hiện đơn thuần nội dung của tác phẩm mà chưa có nhạy cảm giới và lồng ghép giới, chưa có những phân tích gợi mở cho người học tìm tòi hoặc nhận diện về vấn đề then chốt liên quan đến bạo lực gia đình trong tác phẩm. Điều này vô hình chung càng làm cho hoàn cảnh của phụ nữ trở nên bi lụy, u uất, không lối thoát.

Ví dụ, khi hướng dẫn phân tích tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa, Sách giáo viên hướng dẫn “...*một người đàn bà bị chồng hành hạ vô lí nhưng không bao giờ muốn từ bỏ kẻ độc ác ấy; những chiến sĩ nhiệt thành từng chiến đấu giải phóng miền Nam khởi nam vượt quân xâm lược nhưng lại không thể nào để giải thoát cho một người đàn bà bất hạnh*” (Ngữ văn, Lớp 12, Sách giáo viên, Tập 2, 2012: 64).

Khi phân tích nguyên nhân vì sao người vợ trong Chiếc thuyền ngoài xa lại ở vào hoàn cảnh “*ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng*” Sách giáo viên chủ yếu hướng vào ca ngợi sự nhẫn nhịn, hi sinh của người vợ, phụ nữ:

“Bề ngoài đó là một người đàn bà quá nhẫn nhục, cam chịu, bị chồng thường xuyên hành hạ, đánh đập thật khốn khổ: “*ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng*”, vậy mà vẫn nhất quyết gắn bó với lão đàn ông vũ phu ấy. Chỉ qua những lời giải bày thật tình của người mẹ đáng thương đó mới thấy nguồn gốc của mọi sự chịu đựng, hi sinh của bà là tình thương vô bờ đối với những đứa con [...].



Nếu hiểu sự việc một cách đơn giản, chỉ cần yêu cầu người đàn bà bỏ chồng là xong. Nhưng nếu nhìn vấn đề một cách thấu suốt sẽ thấy suy nghĩ và cư xử của bà là không thể nào khác được. Trong khổ đau triền miên, người đàn bà ấy vẫn chất lọc được những niềm hạnh phúc nhỏ nhoi “nhìn những đứa con ăn no, những lúc vợ chồng con cái sống hòa thuận, vui vẻ...” (Ngữ văn, Lớp 12, Sách giáo viên, Tập 2, 2012:66).

Tác phẩm văn học có thể không thay đổi vì nó liên quan đến hoàn cảnh, bối cảnh xã hội ra đời của tác phẩm nhưng cảm thụ tác phẩm thì có thể thay đổi theo hướng thức đẩy giá trị tiến bộ nếu người học có được những gợi ý thức đẩy các giá trị tiến bộ đó. Vì vậy, nếu những hướng dẫn trong sách giáo viên vẫn duy trì các định kiến giới, vẫn giữ cách bình luận và gợi ý cảm thụ theo hướng ca ngợi đức hi sinh một chiều ở người phụ nữ như đoạn trích dưới đây thì đó là rào cản chứ chưa phải là sự thúc đẩy cho các giá trị tích cực là bình đẳng giới “*một sự cam chịu, nhẫn nhục như thế thật đáng để chia sẻ, cảm thông. Thấp thoáng trong người đàn bà ấy là bóng dáng của biết bao người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung, giàu lòng vị tha, đức hi sinh*” (Ngữ văn, Lớp 12, Sách giáo viên, Tập 2, 2012:66).

Cách giải thích nguyên nhân bạo lực gia đình do yếu tố kinh tế, học vấn, nơi cư trú... trở nên không thuyết phục và đôi khi rơi vào tình trạng nhầm lẫn giữa nguyên nhân và cái cớ. Trong tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa ở Sách giáo viên chú trọng vào yếu tố kinh tế để lý giải hành vi bạo lực của người chồng mà lại chưa gợi ý để người học có thể nhận ra vấn đề cốt lõi, nguyên nhân của bạo lực gia đình. Thủ phạm bạo lực gia đình trong trường hợp này cũng chính là nạn nhân bị bỏ quên. Anh ta là nạn nhân của tư tưởng gia trưởng, được gia đình và xã hội trao quyền lực và dưỡng dục thói quen áp đặt quyền lực lên người khác trong gia đình (đặc biệt là người vợ), điều này tiếp tục thể hiện qua hình ảnh nhân vật thằng Phác (con trai).

“Có lẽ cuộc sống đói nghèo, vất vả, quần quanh bao nhiêu lo toan, cực nhọc đã biến “anh con trai cục tính nhưng hiền lành” xưa kia thành một người chồng vũ phu, một lão đàn ông độc ác. Cứ khi nào thấy khổ quá là lão đánh vợ, đánh như giải tỏa uất ức, để trút cho sạch nỗi tức tối, buồn phiền...” (Ngữ văn, Lớp 12, Sách giáo viên, Tập 2, 2012).

Có thể tìm thấy chi tiết thúc đẩy là gợi ý câu hỏi mở cho người học có thể thảo luận sự giải thích của người đàn bà về lý do không thể từ bỏ chồng

có hợp lý không? (Ngữ văn, Lớp 12, Sách giáo viên, Tập 2, 2012). Tuy nhiên, điều này phụ thuộc nhiều vào giáo viên giảng trên lớp, liệu họ có tiếp tục tái hiện hình ảnh về người phụ nữ thụ động hay không?. Mặc dù có nhiều gợi ý về giải pháp nhưng chúng ta biết rằng nếu người phụ nữ trong câu chuyện không tự mình nhận ra được vấn đề của mình thì liệu trong các hoàn cảnh tương tự (rất phổ biến) nếu chỉ có nhờ đến các yếu tố bên ngoài sẽ giải quyết được không? Vì vậy, cần có những hướng dẫn mang tính nhạy cảm giới, lồng ghép giới để người học có thể cảm nhận được tác phẩm nhưng lại không làm cho nó xa rời cuộc sống.

#### **4. Sự thiên lệch về lựa chọn các tác phẩm của các tác giả nam nữ**

Cân bằng tiếng nói của các tác giả nam và nữ được lựa chọn tác phẩm đưa vào trong chương trình dạy - học cũng được xem như một chỉ báo xem xét về thiên vị giới. Phần lớn các tác giả được lựa chọn là nam giới có thể sẽ gợi ra vấn đề như hình tượng văn học, sự khái quát cuộc sống... chủ yếu được xây dựng trên lăng kính của nam giới, quan điểm của nam giới và sự giả định của nam giới. Thiếu tiếng nói của nữ giới, những nhu cầu, mong muốn, nguyện vọng của nữ giới bị bỏ qua hoặc đồng nhất với sự phổ biến từ quan điểm của nam giới.

Trong tất cả các sách ngữ văn lớp 10, 11, 12 phần lớn các tác giả đều là nam giới. Trong cuốn ngữ văn 10, cơ bản ở phần văn học viết không có tác giả nữ trong cả hai tập. Trong ngữ văn 11 phần cơ bản có hai tác giả nữ xuất hiện đó là Hồ Xuân Hương (Tự tình II) trong cuốn ngữ văn tập 1 và Anh Thơ (Chiều Xuân) được lựa chọn trong bài đọc thêm ở sách này tập 2. Tuy nhiên, ở sách ngữ văn 12 phần cơ bản thì cả hai tập đều không có tác giả nữ.

Như vậy, các tác giả nữ hầu như vắng bóng. Điều này có nguyên nhân rất sâu xa cả ở lịch sử văn học, mỹ học, những định kiến và khuôn mẫu giới trong tâm thức cộng đồng (vẫn được xem như là không chủ định). Trong một chừng mực nhất định có thể xem như là hệ lụy của tình trạng bất bình đẳng giới mà nhiều tài năng là nữ giới không được đánh thức và ngay cả khi tự trở dậy cũng không dễ dàng được chấp nhận ngay trong thời đại của họ. Tuy nhiên, cho đến nay số lượng các nhà văn, nhà thơ là nữ giới không còn “hiếm” như trước kia thì cũng nên tính đến yếu tố cân bằng giới khi lựa chọn các tác giả, tác phẩm để đưa vào chương trình giáo dục chính thức.

## Kết luận

Kết quả phân tích cho thấy trong hướng dẫn giảng dạy ở một số bài đã có nhạy cảm giới, có sự thách thức các vai trò giới truyền thống, có lên tiếng chống lại tư tưởng trọng nam khinh nữ nhưng số lượng bài như vậy còn ít. Định kiến giới, khuôn mẫu giới còn thể hiện rõ nhất ở hình ảnh, tính cách của nam và nữ. Phần lớn sách giáo khoa và sách giáo viên chưa có lồng ghép giới, chưa có nhạy cảm giới khi gợi ý, hướng dẫn người dạy và người học.

Sách giáo viên vẫn nặng về tái hiện các vai trò giới, định kiến giới hơn là giúp cho người học có cái nhìn cấp tiến, đa chiều và nhạy cảm giới. Các tác phẩm của tác giả nam được lựa chọn là chủ yếu, rất ít các tác phẩm của tác giả là nữ giới được lựa chọn.

Để có thể khắc phục tình trạng trên, về lâu dài cần tính đến cân bằng tiếng nói nam nữ và nhóm khác (đồng tính, song tính, chuyển giới) trong việc lựa chọn các tác phẩm. Nên cân nhắc việc cân bằng các tác phẩm mà có sự xuất hiện của nam, nữ một cách đa dạng nhằm phá bỏ các khuôn mẫu giới. Các giải pháp trước mắt là cần có những nghiên cứu, rà soát một cách kỹ càng để xóa bỏ các định kiến giới trong Sách giáo khoa và Sách giáo viên môn Ngữ văn cấp trung học phổ thông. Cần chú ý đến nhạy cảm giới trong việc đặt các câu hỏi trong sách giáo khoa; hướng dẫn trong sách giáo viên. Bồi đắp kiến thức về giới, bình đẳng giới, bạo lực gia đình... cho giáo viên để họ chủ động lồng ghép giới, nhạy cảm giới vào trong quá trình giảng dạy. ■

## Tài liệu trích dẫn

Ngân hàng Thế giới. 2001. Báo cáo nghiên cứu chính sách Ngân hàng thế giới.

Đưa vấn đề giới vào phát triển. Nxb. Văn hóa thông tin. Hà Nội.

Ngữ văn, Lớp 12, Tập 1. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008.

Ngữ văn, Lớp 10, Tập 1. Nxb Giáo dục Việt Nam, 2011.

Ngữ văn, Lớp 10, Tập 1. Sách giáo viên, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2012.

Ngữ văn, Lớp 10, Tập 2. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2009.

Ngữ văn, Lớp 11, Tập 1. Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2010.

Ngữ văn, Lớp 11, Tập 1. Sách giáo viên, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2013.

- Ngữ văn, Lớp 11, Tập 2. Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2013.
- Ngữ văn, Lớp 11, Tập 2, Sách giáo viên. Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2013.
- Ngữ văn, Lớp 12, Tập 1, Sách giáo viên. Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2012.
- Ngữ văn, Lớp 12, Tập 2. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2009.
- Ngữ văn, Lớp 12, Tập 2. Sách giáo viên, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2012.
- Pierre Bourdieu. 1998. Sự thống trị của nam giới. (Lê Hồng Sâm dịch 2010). Nxb. Tri thức. 2010.